

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Đăng Kh, sinh năm 1987; Địa chỉ: 94A Đỗ Bí, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1992; Địa chỉ: 94A Đỗ Bí, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Kh và bà M tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2013, quyển số 01/2013 ngày 06/02/2013.

Quá trình sống chung, thời gian đầu yên bình nhưng càng về sau giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống nhưng không có hướng giải quyết, vợ chồng không còn tình cảm, tôn trọng và yêu thương lẫn nhau. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Kh và bà M xác nhận có 02 con chung tên Phạm Nguyễn An B, sinh ngày 06/01/2014 và Phạm Nguyễn An Nh, sinh ngày 25/01/2016. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông Kh trực tiếp nuôi 02 con chung, ông Kh không yêu cầu bà M cấp dưỡng.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông Kh và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông Kh và bà M cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Hà M thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Đăng Kh và bà Nguyễn Thị Hà M (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Phong, huyện T, tỉnh Bình Định cấp ngày 06/02/2013) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông Phạm Đăng Kh trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phạm Nguyễn An B, sinh ngày 06/01/2014 và Phạm Nguyễn An Nh, sinh ngày 25/01/2016. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà M do ông Kh không yêu cầu.

+ Bà M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, ông Kh có quyền yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Kh và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Kh và bà M cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Kh và bà M chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà do ông Kh và bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0070941 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung

